

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ I - KHỐI 10 (BUỔI CHIỀU)

NĂM HỌC 2026 - 2027

(CÓ GIÁ TRỊ TỪ NGÀY 12/10/2026)

Thứ	Tiết	10A1	10A2	10A3	10A4	10A5	10A6	10D1	10D2	10D3
Thứ 2	1	Ngữ văn Kim Anh	Sinh học Võ Hải	Hóa học Trần Đức	Tin học Hải Tiếp	Toán Đạt Đăng	Tin học Bá Đại	Toán Lê Thủy	Ngữ văn Cầm Tú	Công nghệ Đỗ Hồng
	2	Ngữ văn Kim Anh	Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh Hà Phương	Tin học Hải Tiếp	Toán Đạt Đăng	Vật lý Thành Nam	Toán Lê Thủy	Ngữ văn Cầm Tú	Sinh học Đỗ Hồng
	3	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Toán Đạt Đăng	KTPL Vũ Anh	Toán Gia Khánh	Lịch sử Thanh Quang	Tiếng Anh Minh Huệ	Công nghệ Tiến Dũng	Tin học Bá Đại	Tiếng Anh Thúy Linh
	4	Sinh học Võ Hải	Toán Đạt Đăng	Lịch sử Thanh Quang	Toán Gia Khánh	Ngữ văn Mai Linh	Tiếng Anh Minh Huệ	KTPL Vũ Anh	KTPL Thu Hà	Tiếng Anh Thúy Linh
	5	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO
Thứ 3	1	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tiếng Anh NN	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Cầm Tú	Tin học Quốc Hùng	Tiếng Anh Minh Huệ	Ngữ văn Diệu Khanh	Tiếng Anh Thu Hương	Tiếng Anh NN
	2	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tiếng Anh NN	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Cầm Tú	Tin học Quốc Hùng	KTPL Ngô Cúc	Ngữ văn Diệu Khanh	Toán Vũ Bình	Tiếng Anh NN
	3	Tin học Hải Tiếp	Lịch sử Lê Thu	Ngữ văn Diệu Khanh	KTPL Ngô Cúc	Hóa học Châu Văn	Vật lý Thành Nam	Địa lí Đào Hiền	Toán Vũ Bình	Địa lí Tú Hồng
	4	Lịch sử Lê Thu	Ngữ văn Cầm Tú	Toán Văn Tráng	Hóa học Châu Văn	Tiếng Anh Cao Giang	Toán Văn Du	Địa lí Đào Hiền	KTPL Thu Hà	Ngữ văn Kim Anh
	5	Hóa học Châu Văn	Ngữ văn Cầm Tú	Toán Văn Tráng	Vật lý Lâm Quỳnh	Tiếng Anh Cao Giang	Toán Văn Du	Tiếng Anh Minh Huệ	Địa lí Tú Hồng	Ngữ văn Kim Anh
Thứ 4	1	Toán Văn Tráng	Toán Đạt Đăng	Tiếng Anh Hà Phương	Vật lý Lâm Quỳnh	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Kim Anh	Vật lý Mai Oanh	Tiếng Anh NN	Toán Thu Trang
	2	Toán Văn Tráng	Toán Đạt Đăng	Tiếng Anh Hà Phương	Lịch sử Thanh Quang	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Kim Anh	Vật lý Mai Oanh	Tiếng Anh NN	Toán Thu Trang
	3	Ngữ văn Kim Anh	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Diệu Khanh	Lịch sử Thanh Quang	Khởi nghiệp Nguyễn Dũng	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh NN	Vật lý Lâm Quỳnh	Sinh học Đỗ Hồng
	4	Vật lý Thành Nam	Vật lý Mai Oanh	Ngữ văn Diệu Khanh	Tiếng Anh Ngô Thúy	Toán Đạt Đăng	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh NN	Vật lý Lâm Quỳnh	Tiếng Anh Thúy Linh
	5	Vật lý Thành Nam	Vật lý Mai Oanh	Lịch sử Thanh Quang	Tiếng Anh Ngô Thúy	Toán Đạt Đăng	Tin học Bá Đại	Ngữ văn Diệu Khanh		Công nghệ Đỗ Hồng
Thứ 5	1	Tin học Hải Tiếp	Lịch sử Lê Thu	Vật lý Trường Nghiêm	Tiếng Anh NN	Tin học Quốc Hùng	Tin học Bá Đại	Lịch sử Phương Thanh	Toán Vũ Bình	Khởi nghiệp Trần Ngọc
	2	Tin học Hải Tiếp	Khởi nghiệp Trần Ngọc	Vật lý Trường Nghiêm	Tiếng Anh NN	KTPL Thanh Nga	KTPL Ngô Cúc	Tin học Bá Đại	Toán Vũ Bình	Lịch sử Lê Thu
	3	Lịch sử Lê Thu	Tin học Hải Tiếp	Tiếng Anh NN	KTPL Ngô Cúc	KTPL Thanh Nga	Khởi nghiệp Trần Ngọc	Toán Lê Thủy	Công nghệ Tiến Dũng	KTPL Thu Hà
	4	Tiếng Anh NN	Tin học Hải Tiếp	Tiếng Anh NN	Toán Gia Khánh	Vật lý Trường Nghiêm	Toán Văn Du	Toán Lê Thủy	Địa lí Tú Hồng	KTPL Thu Hà
	5	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh Thảo Hiền	Tin học Hải Tiếp	Toán Gia Khánh	Vật lý Trường Nghiêm	Toán Văn Du		Lịch sử Lê Thu	Địa lí Tú Hồng
Thứ 6	1	Toán Văn Tráng	Sinh học Võ Hải	KTPL Vũ Anh	Ngữ văn Cầm Tú	Tiếng Anh Cao Giang	Ngữ văn Kim Anh	Tiếng Anh Minh Huệ	Khởi nghiệp Trần Bình	Toán Thu Trang
	2	Toán Văn Tráng	HĐTNHN Trần Đức	Khởi nghiệp Trần Bình	Tin học Hải Tiếp	Lịch sử Thanh Quang	HĐTNHN Kim Anh	Tiếng Anh Minh Huệ	Ngữ văn Cầm Tú	Toán Thu Trang
	3	Sinh học Võ Hải	Ngữ văn Cầm Tú	Toán Văn Tráng	Tiếng Anh Ngô Thúy	Ngữ văn Mai Linh	Hóa học Trần Đức	Khởi nghiệp Trần Bình	Tiếng Anh Thu Hương	Tin học Bá Đại
	4	Khởi nghiệp Trần Bình	Tiếng Anh Thảo Hiền	Toán Văn Tráng	HĐTNHN Thanh Quang	Ngữ văn Mai Linh	Lịch sử Phương Thanh	KTPL Vũ Anh	Tiếng Anh Thu Hương	Ngữ văn Kim Anh
	5	HĐTNHN Võ Hải	Tiếng Anh Thảo Hiền	HĐTNHN Lê Loan	Khởi nghiệp Trần Bình	HĐTNHN Mai Linh	Lịch sử Phương Thanh	HĐTNHN Minh Huệ	HĐTNHN Cầm Tú	HĐTNHN Lưu Đức

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I - KHỐI 10 (BUỔI SÁNG)

NĂM HỌC 2026 - 2027

(CÓ GIÁ TRỊ TỪ 12/10/2026)

Thứ	Tiết	10A1	10A2	10A3	10A4	10A5	10A6	10D1	10D2	10D3
Thứ 2	1	Tiếng Anh NN	Sinh học Võ Hải	Tiếng Anh Hà Phương		Toán Đạt Đăng	Toán Văn Du	Ngữ văn Diệu Khanh		Toán Thu Trang
	2	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Cẩm Tú	Toán Văn Tráng		Toán Đạt Đăng	Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh Mình Huệ		Toán Thu Trang
	3	Toán Văn Tráng	Ngữ văn Cẩm Tú	Ngữ văn Diệu Khanh		Tiếng Anh NN	Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh Mình Huệ		Ngữ văn Kim Anh
	4	Toán Văn Tráng	Toán Đạt Đăng	Ngữ văn Diệu Khanh		Tiếng Anh NN	Tiếng Anh Mình Huệ	Toán Lê Thùy		Ngữ văn Kim Anh
	5	603	V01	314		602	V02	V03		511
Thứ 3	1	Vật lý Thành Nam		Tiếng Anh NN	Vật lý Lâm Quỳnh	Hóa học Châu Văn	Ngữ văn Kim Anh	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Cẩm Tú	Tiếng Anh Thủy Linh
	2	Toán Văn Tráng		Tiếng Anh NN	Vật lý Lâm Quỳnh	Hóa học Châu Văn	Ngữ văn Kim Anh	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Cẩm Tú	Tiếng Anh Thủy Linh
	3	Hóa học Châu Văn		Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Mai Linh	Toán Văn Du	Toán Lê Thùy	Tiếng Anh NN	Toán Thu Trang
	4	Hóa học Châu Văn		Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Mai Linh	Toán Văn Du	Toán Lê Thùy	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Kim Anh
	5	603		314	100	103	105	106	511	602
Thứ 4	1	GDTC	GDTC	Vật lý Trường Nghiêm	Toán Gia Khánh	GDTC			GDTC	GDTC
	2	GDTC	GDTC	Vật lý Trường Nghiêm	Toán Gia Khánh	GDTC			GDTC	GDTC
	3	CLB	CLB	Toán Văn Tráng	Hóa học Châu Văn	CLB			CLB	CLB
	4	CLB	CLB	Toán Văn Tráng	Hóa học Châu Văn	CLB			CLB	CLB
	5			314	100					
Thứ 5	1		Tiếng Anh NN	GDTC	GDTC		GDTC	GDTC	Vật lý Lâm Quỳnh	Địa lí Tú Hồng
	2		Tiếng Anh NN	GDTC	GDTC		GDTC	GDTC	Vật lý Lâm Quỳnh	Lịch sử Lê Thu
	3		Hóa học Trần Đức	CLB	CLB		CLB	CLB	Toán Vũ Bình	Tiếng Anh NN
	4		Hóa học Trần Đức	CLB	CLB		CLB	CLB	Toán Vũ Bình	Tiếng Anh NN
	5		106						V01	602
Thứ 6	1	Ngữ văn Kim Anh	Tiếng Anh Thảo Hiền		Ngữ văn Cẩm Tú	Toán Đạt Đăng	Vật lý Thành Nam	Ngữ văn Diệu Khanh	Toán Vũ Bình	
	2	Ngữ văn Kim Anh	Vật lý Mai Oanh		Ngữ văn Cẩm Tú	Tiếng Anh Cao Giang	Vật lý Thành Nam	Ngữ văn Diệu Khanh	Tiếng Anh Thu Hương	
	3	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Toán Đạt Đăng		Tiếng Anh Ngô Thủy	Vật lý Trường Nghiêm	Tiếng Anh NN	Vật lý Mai Oanh	Tiếng Anh Thu Hương	
	4	Sinh học Võ Hải	Toán Đạt Đăng		Toán Gia Khánh	Vật lý Trường Nghiêm	Tiếng Anh NN	Vật lý Mai Oanh	Ngữ văn Cẩm Tú	
	5	603	106		314	103	105	602	511	